TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 – 2017
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Phan Công Trí**.

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**.
2. Ông **Thạch Hương**.

-*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Đặng Văn Kép** – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

-Ngày 25/8/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Đ**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: ấp C, xã D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh **B**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 26/7/2017, nguyên đơn là chị Đ trình bày: Chị Đ và anh B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, do chị và anh không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau cách nay hơn 01 năm và chị Đ đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Có 02 con chung tên: L, sinh năm 1991 và C, sinh ngày 12/02/1994, hiện các con đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không có. Nợ chung không có. Nay, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh B.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng ngày 26/7/2017, anh B là bị đơn trong vụ án trình bày: Thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung

như Đ trình bày là đúng. Nay, Đ yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý. Về con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không có, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Không công nhận chị Đ và anh B là vợ chồng. Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đ và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị, anh B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp A, xã B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và chị Đ có đơn yêu cầu ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Vào năm 1992, chị Đ và anh B tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình, nhưng chị Đ và anh B cũng không tiến hành đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.”

Chị Đ và anh B đồng ý tự nguyện thuận tình ly hôn là không có cơ sở chấp nhận mà Hội đồng xét xử cần tuyên bố hôn nhân giữa chị Đ và anh B không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh B xác định có hai con chung tên: L, sinh năm 1991 và C, sinh ngày 12/02/1994, hiện các con đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Chị Đ và anh B cùng thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét ý chí tự nguyện của các bên về tài sản chung và nợ chung là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra phán quyết.

[5] Chị Đ có yêu cầu được ly hôn với anh B nên chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân:

Không công nhận chị Đ và anh B là vợ và chồng.

- Về nuôi con chung: Chị L, sinh năm 1991 và chị C, sinh ngày 12/02/1994, hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản: Chị Đ và anh B thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí:

Chị Đ có trách nhiệm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số 0007591 ngày 26/7/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, chị Đ không phải nộp thêm.

Chị Đ và anh B nếu không đồng ý với quyết định trên thì được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí

***Nơi nhận*:**
-Các đương sự;
-CCTHADS thành phố B;
-VKSND thành phố B;
-TAND Tỉnh;
-Lưu HS.